

Bản án số: 315/2024/HS-PT

Ngày: 22-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 295/2024/TLPT-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn H và các bị cáo khác về tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”. Do có kháng cáo của cá bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST-CTN ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H; Sinh ngày 22 tháng 06 năm 1999 tại tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 và con bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1977; Vợ: Phan Thị L1, sinh năm 2002; Có một con chung sinh năm 2021; Nhân thân: Năm 2017, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HS-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án huyện Chư Păh tuyên phạt 24 tháng tù giam. Thi hành án tại trại giam X, ngày 27/9/2019 chấp hành xong hình phạt (Đã xóa án tích). Ngày 18/8/2015; ngày 06/5/2016; ngày 16/12/2016 và ngày 15/11/2022 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm

hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích. Bị cáo chưa chấp hành các quyết định xử phạt này. Ngày 17/5/2023 bị bắt, ngày 21/7/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản; Ngày 20/5/2023 bị khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay, bị cáo đang chấp hành hình phạt tù theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 07/2024/QĐ-CA ngày 28 tháng 02 năm 2024. Tiền án: Không; Tiền sự: 04. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt

2. Trần Văn T; Sinh ngày 04 tháng 03 năm 2000 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Văn D, sinh năm 1976 và con bà: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Nhân thân: Năm 2017 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 22/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Chư Păh tuyên phạt 24 tháng tù giam. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018HS-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án tỉnh Gia Lai, tuyên phạt 24 tháng tù giam, tổng hợp hình phạt là 48 tháng tù giam. Thi hành án tại trại giam G, ngày 01/7/2022 chấp hành xong hình phạt. Tiền án: 01; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2023 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

3. Mai Nhật H3 (tên gọi khác T); Sinh ngày 24 tháng 5 năm 2001 tại tỉnh Lâm Đồng; Nơi thường trú: Tổ A, Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; Nơi ở hiện nay: Tổ C, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Mai Kiên T1, sinh năm 1980 và con bà: Ngô Thị Thanh H4, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ con; Nhân thân: Năm 2018 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2019/HS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án thành phố Pleiku tuyên phạt 09 tháng tù giam. Thi hành án tại trại giam G, ngày 25/7/2020 chấp hành xong hình phạt. Năm 2021 phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Bắt giữ người trái phép luật”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2021/HS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku tuyên phạt 18 tháng tù giam. Thi hành án tại trại giam G, ngày 13/10/2022 chấp hành xong hình phạt. Tiền án: 01 (Do tội chống người thi hành công vụ thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị can phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên không tính tái phạm). Tiền sự: Không. Tháng 5 năm 2023 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Ngày 04/5/2023 đầu thú và bị tạm giữ, ngày 12/5/2023 bị khởi tố về tội “Gây rối trật tự công cộng”, đến ngày 04/7/2023 Viện Kiểm nhân dân sát thành phố P thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh, hiện bị cáo đang trú tại tổ C phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mặt

4. Lê Đức T2; Sinh ngày 20 tháng 12 năm 2001 tại tỉnh Bình Định; Nơi thường trú: Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Nơi ở hiện tại: Thôn A, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lê Hồng S; Sinh năm: 1971 và con bà: Đỗ Thị T3; Sinh năm: 1973; Vợ: Lê Thị Hồng N; Sinh năm 2000; Có một con chung sinh năm 2020; Nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; Tiền án/tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 10/10/2023, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/02/2023 tại thôn G, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai xảy ra sự việc xô xát và có tiếng súng nổ, đến 15 giờ cùng ngày Công an huyện C, lập biên bản thu giữ của Trần Văn T 01 khẩu súng, cùng 03 viên đạn và 01 vỏ đạn.

Tại Kết luận giám định số 387/KL-KTHS ngày 10/3/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Khẩu súng thu của Trần Văn T gửi giám định là súng tự chế tạo không theo tiêu chuẩn, kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng ngắn; hiện tại súng sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

03 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ 5,6x15,6mm, hiện còn sử dụng được. 01 vỏ đạn là do khẩu súng trên bắn ra.

Vào khoảng cuối năm 2020, Nguyễn Văn H mua một khẩu súng cùng 04 viên đạn thể thao của một người tên V (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng, rồi cất giấu trong nhà ở của H tại thôn A, xã I, huyện C. Đến trưa ngày 08/02/2023, Nguyễn Văn H mang theo khẩu súng cùng 04 viên đạn và 01 bình xịt hơi cay rồi cùng Trần Văn T đi uống cà phê với Trần Lê Đại H5, khi được H5 kể việc bị Nguyễn Trương S1 (sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã N, huyện C) dọa đánh vì nghi ngờ H5 đánh em của S1, nên H điện thoại thì được S1 cho biết đang nhậu ở quán B thuộc thôn G, xã N, huyện C.

Nguyễn Văn H chở Trần Văn T đi gặp Sỏi, trên đường đi H đưa chiếc túi xách bên trong có 01 khẩu súng và 01 bình xịt hơi cay. Khi vào quán B thì H và S1 xô xát với nhau nên T lấy bình xịt hơi cay xịt vào người Sỏi rồi lấy khẩu súng chĩa lên trời, rồi lên đạn, lúc này những người khách trong quán không chế T thì súng nổ 01 phát nhưng không trúng ai, T bị mọi người tước súng. Sau đó, Công an huyện C đến hiện trường và lập biên bản thu giữ của Trần Văn T 01 khẩu súng ngắn, bên trong có 03 viên đạn, 01 vỏ đạn và 01 bình xịt hơi cay.

Quá trình mở rộng điều tra và nhập vụ án của Cơ quan điều tra thành phố P chuyển đến, còn xác định được như sau:

Khoảng đầu năm 2022, Nguyễn Văn H đi làm rẫy tại làng K, xã L, huyện C thì nhặt được một khẩu súng tự chế sau đó H mang về nhà cất giấu dưới gầm giường, đến cuối tháng 03/2023 cho Trần Lê Đại H5 mượn khẩu súng này và đến khoảng 22h cùng ngày, H5 mang súng đến quán B1 tại tổ G phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (do Lê Đức T2 làm chủ) chơi và lấy khẩu súng cất giấu trong phòng bếp của quán bida. Khoảng 03 ngày sau, khi H5 và T2 đang ngồi chơi trong phòng bếp của quán B1 thì Lê Đức T2 phát hiện khẩu súng trên nên T2 lấy khẩu súng ra lên đạn nhưng bị kẹt, sau đó T2 cất giấu khẩu súng lại vị trí cũ. T2 hỏi súng của ai, H5 trả lời súng lấy ở huyện C. Ngày hôm sau Lê Đức T2 tiếp tục lấy khẩu súng ra lau chùi rồi cất giấu lại vị trí cũ. Đến ngày 08/4/2023, Công an thành phố P tiến hành khám xét quán bida Gold 2 tại số C P, tổ G, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai và thu giữ khẩu súng này.

Tại Kết luận giám định số 701/KL-KTHS ngày 21/4/2023 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Khẩu súng gửi giám định là khẩu súng tự chế tạo, không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường, hiện tại sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng.

Khoảng đầu tháng 3/2023, Nguyễn Văn H vào mạng xã hội Y tìm mua súng thấy có số điện thoại nên liên lạc và mua 01 khẩu súng ngắn độ chế, dạng ổ quay 06 lỗ, kèm 10 viên đạn thể thao với giá 1.800.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau, H nhận được súng và đưa tiền mặt cho nhân viên giao hàng (không rõ thuộc dịch vụ giao hàng nào). Đến giữa tháng 3/2023, H tiếp tục đặt mua một khẩu súng ngắn, dạng ổ quay 06 lỗ, bằng kim loại, màu sơn đen kèm theo 10 viên đạn thể thao từ một tài khoản Youtube (không nhớ tên tài khoản) với giá 3.200.000 đồng bằng hình thức trả tiền mặt khi nhận hàng. Sau khi mua súng, H cất giấu 02 khẩu súng và 20 viên đạn ở trong nhà của H tại thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Biết H có súng nên ngày 02/5/2023, Mai Nhật H3 nói H cho H3 mượn, nên H mang khẩu súng mua với giá 3.200.000 đồng, bên trong có 05 viên đạn đến quán C thuộc khu vực đồi thông phường Y, thành phố P đưa cho H3 mượn. Khi vào quán H gặp H3 ngồi chung bàn với Phan Quốc T4 và Trương Quang H6, H đưa khẩu súng cho H3 cầm súng rồi đưa súng cho T4 cất vào trong cốp xe mô tô của T4 rồi đi về nhà.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Phan Quốc T4 mang theo khẩu súng điều khiển xe máy chở Mai Nhật H3 vào trung tâm thành phố P chơi, trên đường đi T4 đưa khẩu súng cho H3 cầm, tham gia nhóm còn có khoảng 8 người, tất cả đi bằng xe máy. Đến khoảng 24 giờ cùng ngày, nhóm của T4 và H3 xảy ra đánh nhau với một nhóm thanh niên khác

tại đầu đường S, thành phố P, sau đó T4 chở H3 về nhà, trên đường đi H3 đưa súng cho T4 cất giấu.

Khoảng 13 giờ ngày 03/5/2023, Nguyễn Văn H gọi điện cho H3 lấy lại khẩu súng nên H3 nhờ Trương Quang H6 đến nhà T4 lấy khẩu súng để trả cho H. H6 đồng ý nên đến nhà vợ T4 tại xã C, huyện C gặp T4 lấy súng. Đến nơi T4 cho biết khẩu súng đang để trong cốp xe máy của T4 nên đưa chìa khoá xe cho H6 tự mở cốp xe lấy súng. H6 lấy khẩu súng bỏ sang cốp xe của H6 rồi điều khiển xe đến quán cà phê V1 trên đường N, gần khu công nghiệp T, thành phố P. H6 lấy khẩu súng đưa cho H3. Sau đó H3 trả súng cho H. H mang khẩu súng về nhà mở ra kiểm tra thấy không còn viên đạn nào rồi H tiếp tục cất giấu súng trong nhà.

Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện C tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H, thấy lực lượng Công an vào nhà nên H bỏ chạy trốn thoát. Quá trình khám xét, thu giữ của H 02 khẩu súng ngắn nòng trên cùng 14 viên đạn thể thao, còn 01 viên còn lại H không nhớ cất giấu ở đâu.

Tại Kết luận giám định số 114/KL-KTHS, ngày 23/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh K, kết luận:

- 02 khẩu súng gửi giám định là loại súng ngắn dạng ổ xoay (ổ chứa đạn 06 viên), bắn loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Thuộc vũ khí quân dụng, bắn được bình thường.

- 14 viên đạn gửi giám định là loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,5)mm. Sử dụng bắn được cho 02 khẩu súng gửi giám định, đạn nổ tốt. (B1 số 175-177 Biên bản khám xét, niêm phong, số 179,180 Kết luận giám định).

Ngoài ra, khoảng giữa năm 2023, do có nhu cầu mua một khẩu súng nên Siu Y1 lên mạng Internet đặt mua một khẩu súng ngắn dạng ổ xoay và 15 viên đạn thể thao với giá 3.500.000 đồng. Sau khi có súng Siu Y1 đã sử dụng bắn chim hết 12 viên và lấy lại 07 vỏ đạn còn 05 vỏ đạn do bị biến dạng nên Siu Y1 vất đi.

Đến tối 12/9/2023 do Lê Đức T2 có mâu thuẫn với Trần Nguyễn Nhật T5 (Sinh năm 2006, trú tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai) nên T2 rủ Siu Y1 đến huyện Đ tìm T5 để đánh. Siu Y1 mang theo khẩu súng và 03 viên đạn và đưa khẩu súng cho T2 cầm, rồi cả nhóm khoảng 20 người (cả bạn của T2 và Y1) đi trên 08 xe mô tô mang theo hung khí xuống huyện Đ tìm T5.

Do không tìm được T5 nên cả nhóm quay về, khi đến vòng xoay thị trấn Đ, huyện Đ thì T2 rút khẩu súng ra, chĩa súng lên trời kéo búa đập về sau và bắn 03 phát súng tạo tiếng nổ. Bắn xong, T2 cất giấu súng trong túi áo rồi quay về thành phố P. Trên đường đi thì Trần Lâm S2 (sinh năm 2004, trú tại tổ A, phường T, thành phố P) đập xe taxi đang chạy trên đường làm kính xe sau bị vỡ.

Khi về đến khu Công nghiệp T, T2 đã đưa khẩu súng lại cho Siu Y1 rồi cả nhóm giải tán. Sau đó, Y1 cất giấu khẩu súng và 03 vỏ đạn kệt lại trong ổ quay trong đồng gạch trước nhà Y1. Khoảng một tuần sau, do biết Công an huyện Đ bắt người nên Siu Y1 lấy túi da màu đen đựng khẩu súng và 34 vỏ đạn thể thao rồi nhờ Đinh Xuân Chí T6 cất giấu khẩu súng ở chỗ khác (Trong 34 vỏ đạn thì có 24 vỏ đạn Siu Yâng xin của một người tên T7 (không rõ địa chỉ) và một số người khác (không rõ thông tin) để làm gát tàn thuốc lá. T6 mang túi da đựng khẩu súng và 34 vỏ đạn về nhà của T6 ở làng K, xã I, huyện I cất giấu dưới tấm gạch bên cạnh nhà. Đến ngày 27/10/2023, Công an huyện Đ đã thu giữ khẩu súng và 34 vỏ đạn nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 963/KL-KTHS, ngày 09/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: Khẩu súng gửi đi giám định nguyên là súng đồ chơi kiểu ổ xoay được độ chế thành súng ngắn ổ xoay bắn được đạn cỡ 5,6mm, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện khẩu súng còn sử dụng được. 34 viên đạn gửi giám định là vỏ đạn của đạn thể thao, có 10 vỏ đạn do khẩu súng gửi đi giám định bắn ra, 24 vỏ đạn không đủ yếu tố để truy nguyên.

Tang vật chứng vụ án:

- 05 khẩu súng
- 34 vỏ đạn thể thao.
- 03 viên đạn bằng kim loại (đã sử dụng trong quá trình giám định).
- 14 viên đạn (đã sử dụng trong quá trình giám định, còn lại 14 vỏ đạn).
- 03 vỏ đạn
- 01 bình xịt màu xanh lá cây trên thân ghi chữ: AMERICAN STYLE NATO SUPER-PARALISANT, bình có chiều cao 15cm; đường kính 3,4cm.
- 01 túi da màu đen kích thước (18x28)cm, có dây kéo.

Đối với 05 khẩu súng và các vỏ đạn, ngày 25/12/2023 Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Gia Lai đã chuyển đến Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai bảo quản, quản lý theo quy định.

Đối với bình xịt hơi cay, Cơ quan An ninh điều tra đã chuyển đến Công an huyện C đề nghị xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn H và Trần Văn T theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính Phủ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST-CTN ngày 08/5/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Trần Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Lê Đức T2

Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Mai Nhật H3.

Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn H, Mai N phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.
- Bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2 phạm tội “*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và tổng hợp với 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*” bị cáo đang phải chấp hành theo Bản án số 04/2024/HS-ST ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17-5-2023.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 27 (hai mươi bảy) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-3-2023

Xử phạt bị cáo Lê Đức T2 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10-10-2023

Xử phạt bị cáo Mai Nhật H (ba mươi) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Siu Y1, Phan Quốc T4, Trương Quang H6, Trần Lê Đại H5, Đinh Xuân Chí T6, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Trong các ngày 10/5/2024, ngày 14/5/2024 và ngày 20/5/2024 các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T, Lê Đức T2, Mai Nhật H3 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/6/2024, ngày 26/6/2024 các bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2 có đơn xin rút kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Mai Nhật H3 rút xin kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2 và Mai Nhật H3 và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 02/6/2024, ngày 26/6/2024 các bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2, có đơn xin rút kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Mai Nhật H3 rút kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2, Mai Nhật H3, phần quyết định đối với các bị cáo theo bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội; Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết quả giám định, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích có súng để phục vụ cho nhu cầu cá nhân trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến tháng 5 năm 2023, Nguyễn Văn H đã mua và tàng trữ 04 khẩu súng, theo kết luận giám định là vũ khí quân dụng và còn sử dụng được. Trong khoảng thời gian này, Nguyễn Văn H đã đưa 01 khẩu súng cho Trần Văn T tàng trữ và sử dụng tại huyện C; 01 khẩu súng cho Trần Lê Đại H5 mượn rồi H5 cùng Lê Đức T2 tàng trữ khẩu súng này tại quán bida của Lê Đức T2; 01 khẩu súng cho Mai Nhật H3, Phan Quốc T4 và Trương Quang H6 tàng trữ.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện tội phạm, nhưng chỉ là đồng phạm mang tính chất giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn H là người trực tiếp mua súng, đạn về cất giấu và cho các bị cáo khác mượn nên hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm cao hơn so với các bị cáo khác nên phải chịu mức án nghiêm khắc hơn.

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, tuy chưa gây thiệt hại về người và tài sản nhưng vi phạm quy định của Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, quản lý vũ khí quân dụng, xâm phạm an toàn công cộng. Bị cáo Nguyễn Văn H, phạm tội 02 lần trở lên, theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo khai báo thành khẩn ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 5 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H, xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2, Mai Nhật H3. Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2024/HSST-CTN ngày 08/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Đức T2, Mai Nhật H3 có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và tổng hợp với 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” và “*Mua bán trái phép chất ma túy*” bị cáo đang phải chấp hành theo Bản án số 04/2024/HS-ST ngày 25/1/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17- 5 - 2023.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV – Công an tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp